

Số: **02** /QĐ-TCTS-KHTC

Hà Nội, ngày **06** tháng 01 năm 2015

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư,  
phí thẩm tra thiết kế công trình xây dựng, chi phí thẩm tra phê duyệt  
quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước  
do Tổng cục Thủy sản quản lý**

### **TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỦY SẢN**

Căn cứ Quyết định số 57/2014/QĐ-TTg ngày 22/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 1588/QĐ-BNN-TCCB ngày 09/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn phân cấp cho Tổng cục Thủy lợi, Tổng cục Lâm nghiệp, Tổng cục Thủy sản một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 176/2011/TT-BTC ngày 06/12/2011 hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng; số 75/2014/TT-BTC ngày 12/6/2014 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm tra thiết kế công trình xây dựng; số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 4973/QĐ-BNN-TC ngày 18/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế quản lý, sử dụng chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý, sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư, phí thẩm tra thiết kế công trình xây dựng, chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước do Tổng cục Thủy sản quản lý”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Tổng cục Thủy sản, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thứ trưởng, TCTrg Vũ Văn Tám (báo cáo);
- Bộ NN&PTNT: Vụ Tài chính, Cục QLXDCT;
- Lưu: VT; KHTC.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



**Phạm Anh Tuấn**

## QUY CHẾ

**Quản lý, sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư, phí thẩm tra thiết kế công trình xây dựng, chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước do Tổng cục Thủy sản quản lý**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-TCTS-KHTC ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản)*

### Chương I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc quản lý thu, nộp và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư, phí thẩm tra thiết kế công trình xây dựng, chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước do Tổng cục Thủy sản quản lý.

2. Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư, phí thẩm tra thiết kế công trình xây dựng, chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước do Tổng cục Thủy sản quản lý.

##### Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Chủ đầu tư khi nộp hồ sơ đề nghị thực hiện công tác thẩm định dự án đầu tư, thẩm tra thiết kế công trình xây dựng, thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước do Tổng cục Thủy sản quản lý (sau đây gọi tắt là công tác thẩm tra, thẩm định) phải nộp phí thẩm định dự án đầu tư, phí thẩm tra thiết kế công trình xây dựng, chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (sau đây gọi tắt là chi phí thẩm tra, thẩm định) về tài khoản của Văn phòng Tổng cục để chi cho công tác thẩm tra, thẩm định.

2. Cơ quan chủ trì thực hiện công tác thẩm tra, thẩm định có trách nhiệm lập và duyệt dự toán theo quy định; tổ chức chi cho công tác thẩm tra, thẩm định theo nội dung dự toán được duyệt.

3. Nguồn kinh phí thẩm tra, thẩm định do chủ đầu tư nộp phải được tiếp nhận, mở sổ kế toán để theo dõi, quản lý; thực hiện lưu giữ chứng từ và báo cáo quyết toán theo chế độ kế toán hiện hành.

**Chương II**  
**THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**

**Điều 3. Mức thu**

Mức thu phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 176/2011/TT-BTC ngày 06/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.

**Điều 4. Nội dung sử dụng chi phí thẩm định dự án**

1. Nội dung sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư 176/2011/TT-BTC ngày 06/12/2011 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

a) Nộp vào ngân sách nhà nước 10% (mười phần trăm) trên tổng số tiền phí thực thu được.

b) Đối với trường hợp phải lấy ý kiến về thiết kế cơ sở của cơ quan quản lý công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 03/2009/TT-BXD, thực hiện như sau:

- Chuyển 25% (hai mươi lăm phần trăm) tổng số tiền phí thẩm định thực thu được cho cơ quan tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở.

- Để lại 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số tiền phí thẩm định thực thu được cho cơ quan thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư xây dựng.

c) Đối với trường hợp tự xem xét thiết kế cơ sở theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 03/2009/TT-BXD, để lại 90% (chín mươi phần trăm) tổng số tiền phí thực thu được cho cơ quan thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư xây dựng.

2. Tỷ lệ định mức chi tính trên số tiền phí thẩm định được để lại để chi cho công tác thẩm định dự án, cụ thể như sau:

- Trích 75% (bảy mươi lăm phần trăm) số tiền phí thẩm định được để lại để chi trả thù lao cho các thành viên tham gia thẩm định dự án (bao gồm thành viên thẩm định của Vụ Kế hoạch, Tài chính; thành viên thẩm định thuộc các đơn vị khác có liên quan; chuyên gia, các cộng tác viên).

- Trích 25% (hai mươi lăm phần trăm) số tiền phí thẩm định được để lại để chi phí trực tiếp phục vụ cho việc thu phí (trong đó đã bao gồm 7% phụ cấp kế toán Văn phòng Tổng cục).

### Chương III

#### THẨM TRA THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

##### Điều 5. Mức thu

Mức thu phí thẩm tra thiết kế công trình xây dựng được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 75/2014/TT-BTC ngày 12/6/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm tra thiết kế công trình xây dựng.

##### Điều 6. Nội dung sử dụng phí thẩm tra thiết kế

1. Nội dung sử dụng phí thẩm tra thiết kế thực hiện theo quy định về tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tại Điều 3 Thông tư 75/2014/TT-BTC 12/6/2014 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

a) Nộp vào ngân sách nhà nước 10% (mười phần trăm) trên tổng số tiền phí thực thu được.

b) Để lại cho cơ quan thực hiện việc thẩm tra thiết kế 90% (chín mươi phần trăm) tổng số tiền phí thực thu được.

2. Tỷ lệ định mức chi tính trên số tiền phí thẩm tra được để lại để chi cho công tác thẩm tra thiết kế, cụ thể như sau:

- Trích 75% (bảy mươi lăm phần trăm) số tiền phí thẩm tra được để lại để chi trả thù lao cho các thành viên tham gia thẩm tra thiết kế.

- Trích 25% (hai mươi lăm phần trăm) số tiền phí thẩm tra được để lại để chi phí trực tiếp phục vụ cho việc thu phí (trong đó đã bao gồm 7% phụ cấp kế toán Văn phòng Tổng cục).

### Chương IV

#### THẨM TRA PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH THUỘC NGUỒN VỐN NHÀ NƯỚC

##### Điều 7. Mức thu

Mức thu chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước.

**Điều 8. Nội dung sử dụng chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành**

1. Nội dung chi cho công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- a) Chi trả thù lao cho các thành viên tham gia thẩm tra, phê duyệt quyết toán.
- b) Chi trả cho chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn, cộng tác viên thực hiện thẩm tra quyết toán theo yêu cầu của cơ quan chủ trì thẩm tra, phê duyệt quyết toán (nếu có).
- c) Chi công tác phí, văn phòng phẩm, dịch thuật, in ấn, hội nghị, hội thảo và các khoản chi phí khác phục vụ cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán.
2. Tỷ lệ chi thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Quyết định số 4973/QĐ-BNN-TC ngày 18/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể như sau:
- a) Trích 60% (sáu mươi phần trăm) tổng số tiền phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán để chi trả thù lao cho các thành viên tham gia thẩm tra, phê duyệt quyết toán.
- b) Trích 5% (năm phần trăm) tổng số tiền phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán để chi cho chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn, cộng tác viên thực hiện thẩm tra quyết toán (nếu có).
- c) Trích 10% (mười phần trăm) tổng số tiền phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán để chi cho hội họp thông qua biên bản thẩm tra.
- d) Trích 18% (mười tám phần trăm) tổng số tiền phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán để chi cho công tác kiểm tra thực tế tại công trình của thành viên tham gia thẩm tra, Hội đồng hoặc Tổ tư vấn trước khi quyết toán; chi văn phòng phẩm, nước uống, mua sắm trang thiết bị và chi phí khác.
- d) Trích 7% (bảy phần trăm) tổng số tiền phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán để chi phụ cấp kế toán Văn phòng Tổng cục.

## Chương V

### QUẢN LÝ NGUỒN CHI PHÍ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ, THẨM TRA THIẾT KẾ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH, THẨM TRA PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH

#### Điều 9. Quản lý chi phí thẩm tra, thẩm định

1. Định mức chi cho công tác thẩm tra, thẩm định thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Quyết định số 4973/QĐ-BNN-TC ngày 18/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể như sau:

- a) Chi cho thành viên thực hiện công tác thẩm tra, thẩm định (bao gồm chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn, cộng tác viên) theo hình thức khoán và theo đúng tỷ lệ quy định tại Quy chế này.

Sản phẩm giao khoán cho công tác thẩm tra, thẩm định là Biên bản thẩm tra, thẩm định, Quyết định phê duyệt dự án, phê duyệt quyết toán.

b) Chi hợp thẩm tra, thẩm định:

- Người chủ trì không quá 250.000 đồng/người/buổi.
- Thành viên không quá 200.000 đồng/người/buổi.

2. Tỷ lệ định mức chi quy định trong Quy chế này là căn cứ để lập dự toán và duyệt chi cụ thể.

3. Giao Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính tổ chức lập và duyệt dự toán chi theo đúng nội dung, tỷ lệ chi, mức chi quy định. Tùy tình hình thực tế từng dự án, có thể điều chỉnh cơ cấu tỷ lệ chi nhưng không được vượt quá 10% khung mức quy định trên. Trường hợp đặc biệt phải thay đổi vượt quá 10% quy định phải báo cáo Lãnh đạo Tổng cục trước khi phê duyệt dự toán.

**Điều 10. Công tác thanh toán, kế toán và báo cáo quyết toán chi phí thẩm tra, thẩm định.**

1. Căn cứ nguồn thu và dự toán chi được duyệt, cán bộ thực hiện công tác thẩm tra, thẩm định có trách nhiệm:

a) Lập giấy tạm ứng kèm theo nội dung dự toán chi được phê duyệt chuyển Văn phòng Tổng cục.

b) Thực hiện tạm ứng, thanh toán cho công tác thẩm tra, thẩm định theo chế độ.

c) Hoàn tất chứng từ thanh toán (theo đúng yêu cầu và hướng dẫn về biểu mẫu kế toán theo quy định chung và Quy chế tài chính hiện hành của Văn phòng Tổng cục) sau khi kết thúc việc thẩm tra, thẩm định.

2. Văn phòng Tổng cục sử dụng bộ máy kế toán hiện có để quản lý, theo dõi chi phí thẩm tra, thẩm định. Thực hiện tổng hợp quyết toán thu-chi chi phí thẩm tra, thẩm định cùng với quyết toán tài chính hàng năm của đơn vị theo quy định hiện hành.

3. Chủ tài khoản, cán bộ kế toán và thủ quỹ của Văn phòng Tổng cục được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo chế độ hiện hành từ mức trích để chi phụ cấp kế toán Văn phòng Tổng cục quy định tại Quy chế này.

**Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan.**

1. Vụ Kế hoạch, Tài chính:

a) Thực hiện trách nhiệm là cơ quan chủ trì thực hiện công tác thẩm tra, thẩm định theo quy định của pháp luật và quy định tại điểm 2, Điều 2 Quy chế này.

b) Lập văn bản thông báo tới chủ đầu tư nộp chi phí thẩm tra, thẩm định theo quy định (đồng thời gửi Văn phòng bản thông báo để phối hợp theo dõi).

b) Lập dự toán chi (cho từng dự án hoặc từng gói thầu) theo nội dung, tỷ lệ, định mức chi quy định tại Quy chế này.

c) Theo dõi, đôn đốc các cá nhân/đơn vị có liên quan thực hiện thanh toán, quyết toán kịp thời theo đúng quy định.

#### 2. Văn phòng Tổng cục:

a) Thực hiện trách nhiệm đơn vị tiếp nhận, quản lý chi phí thẩm tra, thẩm định theo quy định tại điểm 3, Điều 2 Quy chế này.

b) Phối hợp với Vụ Kế hoạch, Tài chính đôn đốc chủ đầu tư nộp phí theo thông báo.

c) Định kỳ 6 tháng, hết năm (hoặc đột xuất theo yêu cầu) thống kê các dự án đã nộp chi phí thẩm tra, thẩm định; tình hình thanh toán và nợ tạm ứng của các cá nhân/đơn vị có liên quan gửi cơ quan chủ trì thẩm tra, thẩm định.

d) Thực hiện đăng ký, kê khai và nộp phí vào ngân sách nhà nước. Xác nhận và khấu trừ thuế thu nhập cá nhân (nếu có) theo quy định hiện hành.

đ) Theo dõi và quản lý tài sản, thiết bị (nếu có) được mua sắm từ nguồn chi phí thẩm tra, thẩm định.

3. Chủ đầu tư nộp chi phí thẩm tra, thẩm định theo quy định tại điểm 1, Điều 2 Quy chế này.

## Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**Điều 12.** Căn cứ quy định tại Quy chế này, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát hiện có những nội dung chưa phù hợp, các đơn vị phản ánh về Tổng cục Thủy sản để sửa đổi, điều chỉnh kịp thời đảm bảo theo đúng quy định của nhà nước./.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



**Phạm Anh Tuấn**